

Đông Nai

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: 10 /2015/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đông Nai, ngày 01 tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành mức trần thù lao công chứng đối với các tổ chức
hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Công chứng số 53/2014/QH13 ngày 20/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 47/TTr-STP ngày 06/5/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành mức trần thù lao công chứng đối với các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Quyết định này quy định mức thu đối với người yêu cầu công chứng khi yêu cầu tổ chức hành nghề công chứng thực hiện việc soạn thảo hợp đồng, giao dịch, đánh máy, sao chụp giấy tờ, văn bản và các việc khác liên quan đến việc công chứng.

b) Mức trần thù lao công chứng được áp dụng thống nhất đối với các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Mức trần thù lao công chứng: (Biểu mức kèm theo).

3. Nguyên tắc áp dụng mức trần thù lao công chứng

a) Mức trần thù lao công chứng được tính trên tính chất, mức độ phức tạp của công việc soạn thảo hợp đồng, giao dịch; đánh máy; sao chụp giấy tờ, văn bản và các việc khác liên quan đến việc công chứng.

b) Tổ chức hành nghề công chứng xác định thù lao công chứng đối với từng loại việc nhưng không vượt quá mức trần thù lao công chứng được quy định tại Quyết định này.

c) Mức thu thù lao công chứng cho tất cả công việc soạn thảo hợp đồng, giao dịch; đánh máy; sao chụp và các việc khác liên quan đến việc công chứng đối với 01 hợp đồng, giao dịch không vượt quá 400.000 đ/trường hợp.

d) Mức thù lao công chứng khi thực hiện công chứng hợp đồng, giao dịch được quy định tại Quyết định này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).

đ) Trường hợp thực hiện yêu cầu ngoài giờ làm việc thì mức thù lao không quá 150% mức thù lao quy định tại Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện mức thu thù lao công chứng đối với các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn.

2. Các tổ chức hành nghề công chứng

a) Tổ chức niêm yết công khai mức trần thù lao công chứng tại Văn phòng và thực hiện tư vấn, giải thích cho người yêu cầu công chứng về mức thu thù lao khi thực hiện công chứng.

b) Có chính sách hỗ trợ, miễn, giảm mức thù lao trong thực hiện công chứng hợp đồng, giao dịch đối với các đối tượng gia đình chính sách, người có công với cách mạng và đối tượng khác được pháp luật quy định về chính sách hỗ trợ.

c) Đối với thù lao công chứng phát sinh trong thực hiện công chứng mà chưa được quy định tại Quyết định này thì các tổ chức hành nghề công chứng căn cứ vào điều kiện thực tế và các chi phí hợp lý để áp dụng thu thù lao công chứng nhưng không vượt quá mức thù lao cao nhất quy định tại Quyết định này.

3. Phòng Tư pháp các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa có trách nhiệm thông báo công khai mức trần thù lao công chứng và tổ chức triển khai theo dõi việc thực hiện Quyết định này tại địa phương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng phòng Tư pháp các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Cục Hỗ trợ Tư pháp - Bộ Tư pháp;
- Cục Công tác phía Nam - Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NC, KT.

<Mainc.TS>

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Trí



**MỨC THU LAO CÔNG CHỨNG ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC
HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 10 /2015/QĐ-UBND ngày 16 /2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	CÔNG VIỆC	MỨC THU LAO
1	Soạn thảo, đánh máy hợp đồng, giao dịch đơn giản	
1.1	Giấy ủy quyền	50.000 đ/trường hợp
1.2	Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng; phụ lục hợp đồng (trừ sửa đổi, bổ sung hoặc phụ lục hợp đồng kinh tế, đầu tư, kinh doanh, thương mại)	50.000 đ/trường hợp
1.3	Văn bản hủy hợp đồng đã công chứng	50.000 đ/trường hợp
1.4	Văn bản cam kết	50.000 đ/trường hợp
1.5	Hợp đồng mua bán, tặng cho xe ô tô	50.000 đ/trường hợp
1.6	Các hợp đồng, văn bản khác	50.000 đ/trường hợp
2	Soạn thảo, đánh máy hợp đồng, giao dịch theo quy định pháp luật liên quan đến Luật Đất đai và Luật Nhà ở	
2.1	Hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	100.000 đ/trường hợp
2.2	Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	100.000 đ/trường hợp
2.3	Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất	100.000 đ/trường hợp
2.4	Hợp đồng mua bán tài sản gắn liền với đất	100.000 đ/trường hợp
2.5	Hợp đồng mua bán căn hộ nhà chung cư	100.000 đ/trường hợp
2.6	Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	100.000 đ/trường hợp
2.7	Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất	100.000 đ/trường hợp
2.8	Hợp đồng tặng cho tài sản gắn liền với đất	100.000 đ/trường hợp
2.9	Hợp đồng tặng cho căn hộ nhà chung cư	100.000 đ/trường hợp
2.10	Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	100.000 đ/trường hợp

2.11	Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất	100.000 đ/trường hợp
2.12	Hợp đồng thuê tài sản gắn liền với đất	100.000 đ/trường hợp
2.13	Hợp đồng thuê căn hộ nhà chung cư	100.000 đ/trường hợp
2.14	Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	100.000 đ/trường hợp
2.15	Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất	100.000 đ/trường hợp
2.16	Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất	100.000 đ/trường hợp
2.17	Hợp đồng thế chấp căn hộ nhà chung cư	100.000 đ/trường hợp
2.18	Hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	100.000 đ/trường hợp
2.19	Hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất	100.000 đ/trường hợp
2.20	Hợp đồng góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất	100.000 đ/trường hợp
2.21	Hợp đồng góp vốn bằng căn hộ nhà chung cư	100.000 đ/trường hợp
2.22	Hợp đồng ủy quyền	100.000 đ/trường hợp
2.23	Di chúc	100.000 đ/trường hợp
2.24	Văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế	100.000 đ/trường hợp
3	Soạn thảo, đánh máy hợp đồng, giao dịch phức tạp	
3.1	Hợp đồng kinh tế, đầu tư, kinh doanh, thương mại	200.000 đ/trường hợp
3.2	Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng kinh tế, đầu tư, kinh doanh, thương mại	200.000 đ/trường hợp
3.3	Văn bản phân chia tài sản thừa kế	200.000 đ/trường hợp
3.4	Văn bản nhận tài sản thừa kế	200.000 đ/trường hợp
4	Đánh máy hợp đồng, giao dịch theo yêu cầu và sao chụp tài liệu	
4.1	Đánh máy hợp đồng, giao dịch theo yêu cầu	10.000 đ/trang A4 (01 trang A4 tương đương 500 chữ)
4.2	Sao chụp (photocopy) tài liệu, giấy tờ	500 đ/trang A4 (hoặc tương đương)
4.3	Kiểm tra, chỉnh sửa hợp đồng, giao dịch đã được người yêu cầu công chứng soạn thảo sẵn	50.000 đ/trường hợp